

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH**Về kinh doanh vận chuyển hàng không
và hoạt động hàng không chung**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định:

a) Điều kiện, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại;

b) Việc sử dụng thương hiệu, nhượng quyền thương mại của doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không và doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

2. Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại; kinh doanh vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung.

3. Trong Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại được gọi chung là hãng hàng không.

Điều 2. Nội dung kinh doanh vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung

1. Kinh doanh vận chuyển hàng không bao gồm hoạt động vận chuyển hàng không, quảng cáo, tiếp thị, bán sản phẩm vận chuyển hàng không trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

2. Hoạt động hàng không chung bao gồm các loại hình sau đây:

- a) Kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại là hoạt động quảng cáo, tiếp thị, bán, thực hiện dịch vụ hàng không chung nhằm mục đích sinh lợi;
- b) Hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại là hoạt động hàng không chung phục vụ cho hoạt động của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích sinh lợi.

Điều 3. Cơ quan xây dựng, ban hành quy hoạch phát triển và thẩm định cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận

1. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng quy hoạch phát triển các hãng hàng không Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

3. Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện việc thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

4. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại (không bao gồm các hoạt động của tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ).

Điều 4. Hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài

1. Hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, đầu tư và doanh nghiệp.

2. Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài đồng thời là Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

Chương II

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG
VÀ GIẤY PHÉP KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG
VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI**

Điều 5. Yêu cầu chung

1. Việc cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại phải phù hợp với quy hoạch phát triển hãng hàng không.

2. Hãng hàng không đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 110 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các điều kiện quy định của Nghị định này.

3. Hãng hàng không đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại chỉ cần đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 và Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này.

4. Người đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phương án bảo đảm có tàu bay khai thác

1. Phương án bảo đảm có tàu bay khai thác trong 05 năm kể từ ngày dự kiến bắt đầu kinh doanh bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số lượng, chủng loại tàu bay;
- b) Hình thức chiếm hữu (mua, thuê mua hoặc thuê);
- c) Phương án khai thác, bảo dưỡng và nguồn nhân lực bảo đảm khai thác, bảo dưỡng tàu bay;
- d) Nguồn vốn bảo đảm chiếm hữu tàu bay.

2. Tuổi của tàu bay đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam được quy định như sau:

a) Đối với tàu bay thực hiện vận chuyển hành khách: Không quá 10 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê. Riêng đối với tàu bay trực thăng là 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

b) Đối với tàu bay vận chuyển hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại: Không quá 15 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

c) Các loại tàu bay khác ngoài quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 của Điều này: Không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 30 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

3. Số lượng tàu bay duy trì trong suốt quá trình khai thác vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại phải đảm bảo tối thiểu là hai (02); số lượng tàu bay thuê có tổ lái đến hết năm khai thác thứ ba không chiếm quá 30% đội tàu bay.

Điều 7. Điều kiện về tổ chức bộ máy bảo đảm khai thác tàu bay, kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

1. Có tổ chức bộ máy thực hiện hệ thống quản lý an toàn, an ninh, hoạt động khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay, khai thác mặt đất; phát triển sản phẩm, tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không chung; hệ thống thanh toán tài chính.

2. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách trong hệ thống quản lý an toàn, an ninh, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm công tác liên tục trong lĩnh vực được bổ nhiệm, có văn bằng, chứng chỉ liên quan được cấp hoặc công nhận theo quy định của pháp luật.

3. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách giám sát hoạt động phát triển sản phẩm, tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không chung phải có bằng đại học các ngành kinh tế, thương mại hoặc tài chính.

4. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách giám sát hệ thống thanh toán tài chính phải có bằng đại học các ngành tài chính, bằng kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kế toán quốc tế được công nhận tại Việt Nam.

Điều 8. Điều kiện về vốn

1. Vốn tối thiểu để thành lập hãng hàng không và duy trì kinh doanh vận chuyển hàng không:

a) Khai thác đến 10 tàu bay: 700 tỷ đồng Việt Nam đối với hãng hàng không có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 300 tỷ đồng Việt Nam đối với hãng hàng không chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa;

b) Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 1.000 tỷ đồng Việt Nam đối với hãng hàng không có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 600 tỷ đồng Việt Nam đối với hãng hàng không chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa;

c) Khai thác trên 30 tàu bay: 1.300 tỷ đồng Việt Nam đối với hãng hàng không có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 700 tỷ Đồng Việt Nam đối với hãng hàng không chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa.

2. Vốn tối thiểu để thành lập hãng hàng không kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại: 100 tỷ đồng Việt Nam.

Điều 9. Văn bản xác nhận vốn

1. Đối với vốn góp bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tự do chuyển đổi: Văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận khoản tiền phong tỏa tại tổ chức tín dụng của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép; việc giải phóng khoản tiền phong tỏa tại tổ chức tín dụng chỉ được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép hoặc khi tổ chức, cá nhân nhận được văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép.

2. Đối với vốn góp bằng tài sản, bất động sản trực tiếp phục vụ cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại: Văn bản của tổ chức định giá có thẩm quyền xác nhận giá trị quy đổi thành tiền của tài sản, bất động sản.

3. Tổ chức, cá nhân trực tiếp xác nhận vốn của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu tại thời điểm xác nhận.

4. Đối với hãng hàng không đang khai thác, có thể sử dụng bảo lãnh của ngân hàng làm văn bản xác nhận vốn phù hợp.

Điều 10. Nội dung của phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm

1. Nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường.

2. Đánh giá thực tiễn và mức độ cạnh tranh dịch vụ được cung cấp trên thị trường.

3. Chiến lược phát triển sản phẩm vận chuyển hàng không và kế hoạch phát triển kinh doanh của 05 năm đầu kể từ ngày khai thác.

Điều 11. Điều kiện về vốn và bộ máy điều hành đối với hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài

1. Hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện bên nước ngoài không chiếm quá 30% vốn điều lệ đối với hãng hàng không; một cá nhân Việt Nam hoặc pháp nhân Việt Nam không có vốn đầu tư nước ngoài phải giữ phần vốn điều lệ lớn nhất.

2. Phần vốn nước ngoài được tính như sau:

a) Phần vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài vào hãng hàng không;

b) Phần vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào hãng hàng không nhân với tỷ lệ phần vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đó;

c) Phần vốn góp của doanh nghiệp nước ngoài có vốn đầu tư Việt Nam đầu tư vào hãng hàng không nhân với tỷ lệ phần vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp nước ngoài đó.

3. Điều lệ hoạt động của hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài phải quy định cơ cấu tổ chức quản lý, thành viên bộ máy điều hành doanh nghiệp. Số thành viên là người nước ngoài do nhà đầu tư nước ngoài cử tham gia bộ máy điều hành hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên. Tổng Giám đốc (Giám đốc), người đại diện theo pháp luật của hãng hàng không phải là công dân Việt Nam và không mang quốc tịch nước khác.

4. Thành viên bộ máy điều hành quy định tại Khoản 3 Điều này, bao gồm:

- a) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó tổng Giám đốc (Phó Giám đốc);
- b) Kế toán trưởng;
- c) Người phụ trách các lĩnh vực: Hệ thống quản lý an toàn; khai thác tàu bay; bảo dưỡng tàu bay; huấn luyện tổ bay; khai thác mặt đất; phát triển sản phẩm; tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không;
- d) Các thành viên khác thuộc Ban Giám đốc điều hành theo quy định của Điều lệ hoạt động.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

1. Người đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại phải gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản chính văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục của Nghị định này;
- b) Danh sách thành viên, cổ đông tại thời điểm nộp hồ sơ; danh sách thành viên, cổ đông phải đảm bảo đầy đủ các thông tin: Họ và tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại; tỷ lệ phần vốn góp hay số cổ phần nắm giữ; tên công ty (dự kiến), địa chỉ, trụ sở chính, người đại diện quản lý phần vốn góp đối với thành viên, cổ đông là tổ chức; thỏa thuận góp vốn của các cổ đông, thành viên (bản sao có xác nhận của doanh nghiệp);
- c) Dự thảo Điều lệ hoạt động có đầy đủ chữ ký của thành viên, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (bản sao có chứng thực);
- d) Phương án bảo đảm có tàu bay khai thác; phương án tổ chức bộ máy bảo đảm khai thác tàu bay, kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại; phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm (bản sao có chứng thực);
- đ) Giấy tờ xác nhận về nhân thân của thành viên hãng hàng không, cổ đông hoặc giấy tờ xác nhận tư cách pháp nhân của pháp nhân;
- e) Nhãn hiệu dự kiến sử dụng.

Điều 13. Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc (bao gồm cả thời gian lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng

nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo kết quả thẩm định lên Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, loại tàu bay, thành phần tham gia doanh nghiệp hàng không, khu vực bay. Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời đồng ý hoặc không đồng ý và nêu rõ lý do trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Nội dung thẩm định bao gồm việc phù hợp với quy hoạch phát triển, lộ trình cho phép thành lập và cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại của Thủ tướng Chính phủ; các điều kiện cấp Giấy phép quy định tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và Chương II của Nghị định này; các nội dung thẩm tra đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 14. Quyết định cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc yêu cầu Cục Hàng không Việt Nam thẩm định lại và nêu rõ lý do; thủ tục thẩm định lại thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại; trường hợp không chấp thuận, Thủ tướng Chính phủ thông báo tới Bộ Giao thông vận tải và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam để thông báo cho người đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận cấp Giấy phép, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho người đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại về việc hoàn thiện thủ tục cấp Giấy phép. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo, người đề nghị cấp Giấy phép nộp bổ sung một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, trừ trường hợp thành lập hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài (bản sao có chứng thực);

b) Bản chính văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc văn bản hợp pháp chứng minh về số vốn pháp định của doanh nghiệp;

c) Sơ đồ bộ máy tổ chức của doanh nghiệp (bản sao có chứng thực);

d) Quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động, bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của những người phụ trách quy định tại Điều 7 của Nghị định này (bản sao có chứng thực);

đ) Bản chính Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận về việc mua hoặc thuê tàu bay; hoặc bản sao có chứng thực;

e) Điều lệ hoạt động (bản sao có chứng thực);

g) Điều lệ vận chuyển hàng không; điều lệ cung cấp dịch vụ hàng không chung (bản sao có chứng thực);

h) Bản chính văn bản xác nhận người đại diện theo pháp luật dự kiến đối với hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện cấp phép quy định tại Chương II của Nghị định này và báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Nghị định này; trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo tới Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do.

6. Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên hãng hàng không, tên hãng hàng không bằng tiếng nước ngoài (nếu có), tên hãng hàng không viết tắt (nếu có); địa điểm trụ sở chính, chi nhánh của hãng hàng không;

b) Số và ngày cấp của Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại;

c) Vốn điều lệ; vốn pháp định; loại hình doanh nghiệp;

d) Danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; phần vốn góp của mỗi thành viên, cổ đông sáng lập;

đ) Phạm vi kinh doanh; loại hình vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không chung;

e) Nhân hiệu;

g) Người đại diện theo pháp luật.

Điều 15. Thông báo việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

1. Gửi Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại cho hãng hàng không trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận, Giấy phép.

2. Thông báo bằng văn bản về việc từ chối cấp Giấy phép cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo từ chối cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 16. Công bố nội dung Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, hãng hàng không phải đăng trên một trong các tờ báo viết Trung ương hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp các nội dung của Giấy phép.

2. Trong trường hợp, nội dung Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại thay đổi, hãng hàng không phải công bố nội dung những thay đổi đó trong thời hạn và theo phương thức quy định tại Khoản 1 của Điều này.

Điều 17. Hủy bỏ Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

1. Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Không duy trì đủ vốn tối thiểu trong thời gian 03 năm liên tục;

b) Có ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Không bắt đầu khai thác vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không chung trong thời hạn 18 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép;

d) Ngừng khai thác vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không chung 12 tháng liên tục;

đ) Không được cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép; Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay bị thu hồi, hủy bỏ quá 12 tháng mà không được cấp lại;

e) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung ghi trong Giấy phép;

g) Cố ý vi phạm quy định tại Điều 16, Điều 18 và Điều 19 của Nghị định này;

h) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh quốc phòng;

i) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh hàng không, an toàn hàng không, tổ chức bộ máy điều hành và hoạt động khai thác vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung;

k) Phá sản, giải thể hãng hàng không hoặc theo đề nghị của hãng hàng không;

l) Hãng hàng không không còn đáp ứng đủ điều kiện cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp Giấy phép bị hủy bỏ, Bộ Giao thông vận tải ra văn bản hủy bỏ Giấy phép và doanh nghiệp phải chấm dứt ngay việc kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

3. Trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 của Điều này, tổ chức, cá nhân liên quan được phép thực hiện thủ tục cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này sau 01 năm kể từ ngày Giấy phép bị hủy bỏ.

Điều 18. Chuyển nhượng, tặng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài theo hình thức đầu tư trực tiếp

Việc chuyển nhượng, tặng cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện sau 02 năm kể từ ngày bắt đầu khai thác vận chuyển hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không chung và phải tuân thủ các quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

Điều 19. Cấp lại Giấy phép

1. Hãng hàng không phải thực hiện trình tự thủ tục cấp lại Giấy phép đối với những thay đổi sau đây:

a) Thay đổi một trong các nội dung của Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại;

b) Việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

2. Hãng hàng không khi thực hiện quy định tại Khoản 1 của Điều này phải gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam để thẩm định. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị cấp lại theo Mẫu số 05 hoặc theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Nghị định này đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài;

b) Các tài liệu liên quan đến đề nghị chấp thuận thay đổi đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 của Điều này;

c) Phương án chuyển nhượng cổ phần đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 của Điều này;

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định lên Bộ Giao thông vận tải.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Nghị định này; đối với thay đổi quy định tại Điểm b Khoản 1 của Điều này phải thực hiện theo thủ tục chấp thuận quy định tại Khoản 5 của Điều này; trường hợp không chấp thuận, Bộ Giao thông vận tải thông báo tới Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do.

5. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài:

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời đồng ý hoặc không đồng ý và nêu rõ lý do trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc thông báo tới Cục Hàng không Việt Nam trong trường hợp không chấp thuận và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ cho phép chấp thuận; trường hợp không cho phép chấp thuận, Thủ tướng Chính phủ thông báo tới Bộ Giao thông vận tải và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải thông báo việc chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án bán cổ phần tới Cục Hàng không Việt Nam.

6. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm gửi Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại (cấp lại), văn bản chấp thuận phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài

hoặc thông báo việc từ chối chấp thuận cho hãng hàng không trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giao thông vận tải.

7. Hãng hàng không đề nghị cấp lại Giấy phép do Giấy phép bị rách, bị mất, bị cháy hoặc bị cũ nát thực hiện trình tự thủ tục theo quy định tại Điều này.

Điều 20. Những thay đổi đối với doanh nghiệp phải được đăng ký

1. Những nội dung sau đây, hãng hàng không phải thực hiện đăng ký với Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thực hiện:

a) Sửa đổi Điều lệ hoạt động, Điều lệ vận chuyển, Điều lệ cung cấp dịch vụ hàng không chung;

b) Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Thay đổi tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều 7 và Điều 11 của Nghị định này;

d) Thay đổi thành viên bộ máy điều hành;

đ) Thay đổi cổ đông chiếm giữ từ 05% vốn điều lệ trở lên.

2. Hãng hàng không phải gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Các tài liệu liên quan đến các nội dung thay đổi.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục của Nghị định này hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho hãng hàng không và nêu rõ lý do.

Chương III

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG**

Điều 21. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại được cấp cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại.

2. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại:

a) Đối tượng được cấp: Pháp nhân Việt Nam; tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam; văn phòng đại diện hoặc chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

b) Có tàu bay khai thác;

c) Có cơ sở bảo dưỡng tàu bay hoặc có hợp đồng dịch vụ với cơ sở bảo dưỡng tàu bay được Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận;

d) Thành viên tổ lái được cấp Giấy phép, chứng chỉ phù hợp;

đ) Loại hình hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại dự định thực hiện phù hợp chức năng hoạt động của tổ chức, nhu cầu riêng của cá nhân đề nghị cấp;

e) Đáp ứng yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1. Người nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Bản chính văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 06 hoặc theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Nghị định này đối với trường hợp cấp lại;

b) Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức); bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân);

c) Bản sao có chứng thực Giấy phép cư trú tại Việt Nam (đối với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam); bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam (đối với văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức nước ngoài);

d) Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay (bản sao có chứng thực);

đ) Bản chính Phương án khai thác, bảo dưỡng tàu bay;

e) Giấy phép, chứng chỉ phù hợp của thành viên tổ bay (bản sao có chứng thực);

g) Giấy phép hoạt động của cơ sở bảo dưỡng tàu bay (bản sao có chứng thực); hợp đồng thuê bảo dưỡng tàu bay trong trường hợp thuê dịch vụ bảo dưỡng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Điều 23. Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay, khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

2. Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Nghị định này sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên doanh nghiệp, tên giao dịch, địa điểm trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

b) Họ tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; số, nơi cấp và ngày cấp chứng minh nhân dân hoặc số, nơi cấp và ngày cấp hộ chiếu, nơi cư trú của cá nhân;

c) Số và ngày cấp của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại;

d) Loại hình hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại được thực hiện;

đ) Cảng hàng không, sân bay dự định làm sân bay căn cứ của tàu bay;

e) Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký của tàu bay khai thác.

Điều 24. Hủy bỏ, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Không đáp ứng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký;

b) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động hàng không chung;

d) Hoạt động hàng không chung gây ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, lợi ích công cộng và trật tự xã hội;

đ) Cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ đăng ký;

e) Tổ chức không còn tồn tại; cá nhân bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

g) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại muốn sửa đổi nội dung của Giấy chứng nhận phải làm hồ sơ đề nghị và gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Các tài liệu liên quan đến các nội dung thay đổi.

3. Thủ tục thẩm định, cấp sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này. Trong trường hợp chấp thuận sửa đổi, Cục Hàng không Việt Nam cấp bổ sung hoặc thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại.

4. Trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hủy bỏ, Cục Hàng không Việt Nam ra văn bản hủy bỏ Giấy chứng nhận và tổ chức, cá nhân liên quan phải chấm dứt ngay các hoạt động hàng không chung; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết các hợp đồng liên quan đã ký trước khi Giấy phép bị hủy bỏ.

Chương IV

THƯƠNG HIỆU VÀ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

Điều 25. Thương hiệu của hãng hàng không

1. Hãng hàng không phải xây dựng thương hiệu riêng của hãng, bao gồm: Tên thương mại, nhãn hiệu.

2. Nhãn hiệu là tập hợp những dấu hiệu riêng biệt của một hãng hàng không, bao gồm nhãn hiệu kinh doanh, hình vẽ, màu sắc, ký hiệu, các dấu hiệu có thể nhìn thấy và được sử dụng để nhận dạng, phân biệt hãng hàng không, các dịch vụ của hãng hàng không đó với hãng hàng không khác trong kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

Điều 26. Sử dụng thương hiệu

1. Tên thương mại hoặc nhãn hiệu hoặc tên thương mại và nhãn hiệu của hãng hàng không phải được thể hiện trên biển hiệu, bên ngoài tàu bay sử dụng trong kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại của hãng.

2. Hãng hàng không không được:

- a) Sử dụng thương hiệu gây nhầm lẫn với hãng hàng không khác;
- b) Sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác cho dịch vụ vận chuyển, dịch vụ hàng không chung của mình, trừ các trường hợp được quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này;
- c) Hãng hàng không không được sử dụng thương hiệu mà hãng hàng không khác từng sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày thương hiệu từng sử dụng đó bị chấm dứt sử dụng.

3. Hãng hàng không Việt Nam được phép sử dụng tàu bay gắn thương hiệu của hãng hàng không khác cho hoạt động khai thác vận chuyển hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không chung trong các trường hợp sau:

- a) Thuê tàu bay với tổng thời gian khai thác không quá 06 tháng trong khoảng thời gian 12 tháng liên tục;
- b) Tàu bay dùng chung của nhóm công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Hãng hàng không Việt Nam chỉ được phép sử dụng tàu bay gắn thương hiệu chung của liên minh hãng hàng không mà hãng hàng không đó là thành viên với điều kiện thương hiệu đó không phải là thương hiệu riêng của một hãng hàng không nào khác.

5. Việc sử dụng thương hiệu quy định tại Điểm a Khoản 3 của Điều này phải được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận theo thủ tục chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay theo quy định của pháp luật.

6. Việc sử dụng thương hiệu quy định tại Điểm b Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này phải được đăng ký với Cục Hàng không Việt Nam. Hãng hàng không gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị đăng ký sử dụng thương hiệu bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Bản chính văn bản đề nghị đăng ký theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục của Nghị định này;
- b) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tương ứng tại Điểm b Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này;
- c) Bản sao có chứng thực văn bản cho sử dụng thương hiệu của chủ sở hữu thương hiệu.

7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 6 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục của Nghị định này hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho hãng hàng không và nêu rõ lý do. Cục Hàng không Việt Nam hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp việc sử dụng thương hiệu không còn đáp ứng có giá trị cho đến khi không còn đáp ứng quy định tương ứng tại Điểm c Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này.

8. Hãng hàng không phải nộp lệ phí đăng ký theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Nhượng quyền thương mại

Hãng hàng không không được phép thực hiện nhượng quyền kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại tại Việt Nam cho hãng hàng không khác.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, hãng hàng không đang kinh doanh vận chuyển hàng không, doanh nghiệp đang kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại phải đáp ứng điều kiện về đội tàu bay, vốn pháp định quy định tại Khoản 3 Điều 6 và Điều 8 của Nghị định này.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2013 và thay thế Nghị định số 76/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 30/2013/NĐ-CP
ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 02	Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung
Mẫu số 07	Đơn đề nghị chấp thuận chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài
Mẫu số 08	Đơn đề nghị đăng ký sử dụng thương hiệu
Mẫu số 09	Giấy chứng nhận đăng ký thương hiệu
Mẫu số 10	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung

Mẫu số 01**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ HÃNG HÀNG KHÔNG
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Số:.....

Ngày cấp:

Ngày cấp bổ sung lần thứ nhất:.....

Ngày cấp bổ sung lần thứ hai:.....

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:.....

3. Tên doanh nghiệp viết tắt:.....

4. Tên thương mại:

5. Địa điểm trụ sở chính:.....

6. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

7. Nhân hiệu:

8. Phạm vi kinh doanh vận chuyển hàng không, bao gồm:

a) Đối tượng vận chuyển (hành khách, hàng hóa, bưu kiện):.....

b) Loại hình vận chuyển (thường lệ, không thường lệ):.....

c) Phạm vi vận chuyển (quốc tế, nội địa):

9. Vốn điều lệ:

a) Tổng số:.....

b) Chủ sở hữu; danh sách thành viên, cổ đông và phần vốn góp của mỗi thành viên, cổ đông đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần:

10. Vốn pháp định:.....

11. Tên, địa chỉ chi nhánh:

12. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

13. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh thư nhân dân hoặc số Hộ chiếu, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY PHÉP KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG VÀ MỤC ĐÍCH
THƯƠNG MẠI/GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ HÀNG HÀNG KHÔNG
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Số:.....

Ngày cấp:

Ngày cấp bổ sung lần thứ nhất:

Ngày cấp bổ sung lần thứ hai:

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

3. Tên doanh nghiệp viết tắt:.....

4. Tên thương mại:

5. Địa điểm trụ sở chính:.....

6. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

7. Nhân hiệu:

8. Phạm vi hoạt động:

a) Loại hình dịch vụ hàng không chung:

b) Khu vực cung cấp dịch vụ hàng không chung:

9. Vốn điều lệ:

a) Tổng số:

b) Chủ sở hữu; danh sách thành viên, cổ đông và phần vốn góp của mỗi thành viên, cổ đông đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần:

.....

10. Vốn pháp định:

11. Tên, địa chỉ chi nhánh:

12. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

13. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh thư nhân dân hoặc số Hộ chiếu, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

.....

.....

BỘ TRƯỞNG*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 03

**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**
.....(tên cơ quan thẩm định
hoặc cấp Giấy đăng ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
HÀNG KHÔNG CHUNG**

Số:.....

- Ngày cấp:
- Ngày cấp bổ sung lần thứ nhất:.....
- Ngày cấp bổ sung lần thứ hai:.....
1. Tên tổ chức (đối với tổ chức):.....
2. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức):
3. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân):
4. Tên giao dịch (đối với tổ chức):.....
5. Địa điểm trụ sở chính (đối với tổ chức):.....
6. Nơi cư trú (đối với cá nhân):.....
7. Nhãn hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:.....
8. Loại hình hoạt động dự định thực hiện:
9. Cảng hàng không, sân bay căn cứ của tàu bay:
10. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký của tàu bay:
11. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:
.....
.....
12. Họ tên, số Chứng minh nhân dân, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH HOẶC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG/
GIẤY PHÉP KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG
VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI/GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
HÃNG HÀNG KHÔNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:..... (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)..... Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày: .../.../..... Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:...../...../.....

Cơ quan cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty/Đại diện nhóm nhà đầu tư:.....

.....

Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:.....

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:.....

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Tên thương mại:

Nhãn hiệu:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
 (nếu có)

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1
2
...

4. Vốn điều lệ:

Tổng số:

- Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại Danh sách thành viên.

5. Vốn pháp định:

6. Tên, địa chỉ chi nhánh:

7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-
-
-

Mẫu số 05**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG/GIẤY PHÉP
KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ HẰNG HÀNG KHÔNG CÓ VỐN ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt

Tên thương mại:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không hoặc Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại số:..... Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

3. Người đại diện theo pháp luật:

- Chức danh:

- Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

- Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:/...../.....

Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Chúng tôi đề nghị cấp lại với những nội dung sửa đổi như sau:

Nội dung điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-
- Phương án chuyển nhượng cổ phần (nếu có);
-

Mẫu số 06**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG**

Kính gửi:..... (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)..... Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:...../...../.....

Cơ quan cấp:.....

.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:..... Fax: Email:..... Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):.....

Đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động hàng không chung với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp hoặc cá nhân:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ nơi cư trú:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (đối với tổ chức):.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.... tại

3. Nhãn hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:.....

4. Loại hình dự kiến hoạt động:

5. Cảng hàng không, sân bay căn cứ:.....

6. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký tàu bay:

7. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:

.....
.....
8. Họ tên, số Chứng minh nhân dân, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Tôi và các thành viên cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-;
-;
-

Mẫu số 07**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG**
CỔ PHẦN CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:..... (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng

- Tên tổ chức, cá nhân:

- Địa chỉ:

-

2. Nhà đầu tư nước ngoài

- Tên tổ chức, cá nhân:

- Địa chỉ:

-

3. Nội dung chuyển nhượng

-

-

4. Tôi hoặc chúng tôi cam kết

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo./.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP
CỔ PHẦN LIÊN QUAN VỀ
TÌNH TRẠNG SỞ HỮU
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Tổ chức ký, đóng dấu và ghi rõ họ
tên; cá nhân ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
(nội dung đăng ký sử dụng thương hiệu)

Kính gửi:..... (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

1. Tên doanh nghiệp:.....
 Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:.....
 Tên doanh nghiệp viết tắt:
 Tên thương mại:
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:
 Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại số:..... Do:.....
 cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....
3. Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức danh:.....
 - Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:
 - Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:/...../.....
 Cơ quan cấp:.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax: Email:.....
Chúng tôi đề nghị đăng ký các nội dung cụ thể như sau:
 Nội dung đăng ký:.....
 Lý do đăng ký:
- Chúng tôi cam kết:**
 Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Đối với tổ chức; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-
-
-

Mẫu số 09**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****..... (tên cơ quan thẩm định
hoặc cấp Giấy đăng ký)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
(Nội dung đăng ký thương hiệu)**

Các căn cứ

..... (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký) chứng nhận hãng hàng
không dưới đây:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt

Tên thương mại:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng
không chung vì mục đích thương mại số: Do:
cấp ngày tháng năm tại

3. Người đại diện theo pháp luật:

- Chức danh:

- Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

- Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số: Ngày cấp:/...../.....

Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

đã hoàn thành thủ tục đăng ký: (nội dung đăng ký)

Số đăng ký:

Nơi nhận:

-

-

-

- Lưu: VT.

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
THẨM ĐỊNH HOẶC CẤP GIẤY
ĐĂNG KÝ***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Kính gửi:..... (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: *(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)*..... Nam/Nữ:
 Chức danh:
 Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/hộ chiếu số:..... Ngày cấp:...../...../.....
 Cơ quan cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:
 Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
hàng không chung với những nội dung sửa đổi như sau:

Nội dung sửa đổi:
 Lý do sửa đổi:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(đối với tổ chức; ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-
-
-